

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày 06/7/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản giữa bà V với bà X”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Anh Dũng;

Ông Giáp Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 63/2020/QĐST-DS ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1957 (có mặt)

Nơi cư trú: khu Th, thị trấn CT, huyện TY, tỉnh Bắc Giang;

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 97, phố HHT, thị trấn CT, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2020, bản tự khai và lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Hoàng Thị V trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 23/5/2013, bà X có vay của bà số tiền 52.000,000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng), khi vay có lập giấy biên nhận, bà X trực tiếp viết và ký tên, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất. Khi vay tiền thì bà X có nói là để trả tiền hàng. Sau khi vay tiền thì bà đã đòi bà X nhiều lần nhưng bà X không trả.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà X có trách nhiệm trả bà số tiền gốc là 52.000.000 đồng, bà không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bà V có mặt và giữ nguyên ý kiến trên

Bị đơn là bà Nguyễn Thị X mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các buổi làm việc của Tòa án bà X đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho bà X về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng bà X không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa bà X vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc bà X có trách nhiệm trả bà V số tiền gốc là 52.000.000 đồng.

Về án phí bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị X mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do chính đáng Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về số tiền nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ:

Xét yêu cầu của bà Hoàng Thị V đòi bà Nguyễn Thị X số tiền là 52.000.000 đồng gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kèm theo đơn khởi kiện thì bà V có giao nộp 01 giấy vay tiền đề ngày 23/5/2013 với nội dung: “*Em Xiêm vay chị V*” và có ký tên Nguyễn Thị X. Bà X đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, phiên hòa giải nhưng bà X không đến Tòa án làm việc và trình bày ý kiến của mình. Như vậy, thể hiện bà X đã từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà V có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do bà X không có ý thức thanh toán trả cho bà V số tiền trên mặc dù bà V đã nhiều lần yêu cầu bà X thanh toán nhưng bà X vẫn không thanh toán nên buộc bà V phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của bà V là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà X phải thanh toán trả cho bà V số tiền là 52.000.000 đồng gốc.

Về lãi suất: Do bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: bà V yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà V được chấp nhận nên bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Số tiền án phí được tính cụ thể như sau: $52.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.600.000 \text{ đồng}$.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị V

1. Buộc bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Hoàng Thị V số tiền gốc là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị X phải chịu 2.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Hoàng Thị V số tiền 1.300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006213, ngày 24/02/2020, tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Yên.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Tư Duy